

Báo cáo tài chính tóm tắt
Quý 4 năm 2008

I. Bảng cân đối kế toán

STT	Nội dung	Số dư 01/01/2008	Số dư 31/12/2008
A	Tài sản ngắn hạn	101,580,496,623	183,596,676,327
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	13,091,260,192	74,486,378,144
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		800,000,000
3	Các khoản phải thu	71,537,699,589	71,627,770,429
4	Hàng tồn kho	16,815,732,718	36,268,189,633
5	Tài sản ngắn hạn khác	135,804,124	414,338,121
B	Tài sản dài hạn	17,508,630,499	19,673,851,029
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	11,680,819,420	15,876,213,029
	a. Tài sản cố định hữu hình	10,569,362,126	12,074,953,473
	- Nguyên giá	17,427,834,745	19,137,136,338
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-6,858,472,619	-7,062,182,865
	b. Tài sản cố định vô hình	711,457,294	1,258,225,556
	- Nguyên giá	830,394,275	1,571,000,000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-118,936,981	-312,774,444
	c. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	400,000,000	2,543,034,000
3	Bất động sản đầu tư		
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5,761,638,000	3,797,638,000
4	Tài sản dài hạn khác	66,173,079	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	119,089,127,122	203,270,527,356
C	Nợ phải trả	47,481,697,770	58,497,661,986
1	Nợ ngắn hạn	46,266,438,770	57,869,364,986
2	Nợ dài hạn	1,215,259,000	628,297,000
3	Nợ khác		0
D	Vốn chủ sở hữu	71,607,429,352	144,772,865,370
1	Vốn chủ sở hữu	71,748,555,263	144,119,128,165
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	36,000,000,000	57,659,500,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	19,118,517,850	54,774,342,850
	- Vốn khác của chủ sở hữu		0
	- Cổ phiếu quỹ (*)		
	- . Các quỹ	6,303,176,934	12,099,044,151
	- Lợi nhuận chưa phân phối	10,326,860,479	19,586,241,164
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-141,125,911	653,737,205
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	348,849,789	789,698,051
	- Kinh phí dự trữ giống quốc gia	-489,975,700	-135,960,846
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	119,089,127,122	203,270,527,356

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Quý 4	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	đ	96,850,461,125	223,441,230,649
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	đ	4,257,662,633	9,043,897,476
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	đ	92,592,798,492	214,397,333,173
4	Giá vốn hàng bán	đ	71,297,493,215	146,678,566,669
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	đ	21,295,305,277	67,718,766,504
6	Doanh thu hoạt động tài chính	đ	5,139,438,156	9,418,756,637
7	Chi phí tài chính	đ	1,820,770,975	3,723,183,110
8	Chi phí bán hàng	đ	14,183,510,121	35,029,260,174
9	Chi quản lý doanh nghiệp	đ	4,830,543,813	11,424,756,492
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đ	5,599,918,524	26,960,323,365
11	Thu nhập khác	đ	1,571,907,100	1,745,823,947
12	Chi phí khác	đ	245,119,712	255,119,712
13	Lợi nhuận khác	đ	1,326,787,388	1,490,704,235
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đ	6,926,705,912	28,451,027,600
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	đ		105,861,436
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đ	6,926,705,912	28,345,166,164

Do Công ty kinh doanh trong ngành nông nghiệp, sản xuất kinh doanh mang tính thời vụ. Quý 4 công ty tập trung cung ứng giống để phục vụ cho vụ xuân năm 2009 ở các tỉnh phía Bắc nên doanh số bán hàng và lợi nhuận lớn hơn so với quý 3.

Ngày 22 tháng 01 năm 2009
Tổng giám đốc Công ty

Trần Kim Liên